

CHI NHÁNH PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
KHU VỰC CAM LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cam Lâm, ngày 03 tháng 06 năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ (ĐỢT 46: 15 TRƯỜNG HỢP)

Dự án Khu đô thị mới Cam Lâm

Kèm theo Thông báo số:/TB-CNKVCL ngày/...../2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm

I. TỔNG HỢP VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

1. Tổng số trường hợp phê duyệt:	15	Trường hợp
2. Tổng diện tích đất thu hồi:	21.186,2	m ²
<i>Trong đó:</i>		
Diện tích đất nông nghiệp:	21.186,2	m ²
Diện tích đất phi nông nghiệp:	0	m ²
Đất ở:	0	m ²
Không phải đất ở:	21.186,2	m ²
3. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: (3.1+ 3.2)	29.070.035.560	đồng
<i>Bảng chữ: Hai mươi chín tỷ, không trăm bảy mươi triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn, năm trăm sáu mươi đồng</i>		
3.1 Kinh phí bồi thường, hỗ trợ:	28.223.335.495	đồng
<i>Trong đó:</i>		
Bồi thường đất:	19.106.774.470	đồng
Bồi thường công trình, vật kiến trúc:	3.072.748.825	đồng
Bồi thường cây trồng vật nuôi:	1.024.647.200	đồng
Các khoản hỗ trợ:	5.019.165.000	đồng
Chi phí chính lý giấy tờ đất sau thu hồi:		đồng
3.2 Chi phí tổ chức thực hiện:	846.700.065	đồng
4. Về tái định cư (Kèm theo phương án tái định cư)		
Tổng số trường hợp tái định cư:		trường hợp
Tổng số lô đất bố trí tái định cư:		lô
Tổng diện tích đất tái định cư:		m ²

II. PHƯƠNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHI TIẾT CÁC TRƯỜNG HỢP

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi								Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)	
1	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất								1. BT về đất					1.186.834.600	1.587.020.600	
	Bà: Nguyễn Thị Kim	Thôn Bãi Giếng, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà								Đất trồng cây lâu năm;	m ²	1.001,5	901.850	100%	903.202.775		
	Mai CCCD:									11/262; (Thôn Bãi Giếng -							
	056181000965	Bản đồ trích đo		Bản đồ địa chính		Loại đất	Vị trí	Tổng DT (m ²)	DT thu hồi (m ²)	DT còn lại (m ²)	Phía Tây Quốc lộ 1A)						
	Năm sinh: 1981	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa						Đất trồng cây lâu năm;	m ²	314,5	901.850	100%	283.631.825	
	Địa chỉ thường trú:									11/229; (Thôn Bãi Giếng -							
	Thôn Yên Hòa 2, xã Cam									Phía Tây Quốc lộ 1A)							
	Lâm, tỉnh Khánh Hòa	11	262	11	660	CLN	Vị trí 1	1.001,5	1.001,5	0	- Dù điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024. - Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo số 306/TB-HĐTĐ ngày 07/05/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Cam Lâm về kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm. + Bồi thường đất CLN tờ 11 thửa 262 vị trí 1 (trong phạm vi 350m). + Bồi thường đất CLN tờ 11 thửa 229 vị trí 1 (trong phạm vi 350m).						
	Số nhân khẩu:	11	229	11	686	CLN	Vị trí 1	314,5	314,5	0							
		Cộng						1.316	1.316	0							
		Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m²):								-							
		Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:								-							
		Các giấy tờ có liên quan:								2. Nhà, vật kiến trúc					0		
		- Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 79/GXN-PKT ngày 11/02/2026 của Phòng Kinh tế xã Cam Lâm.								- Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, QĐ 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và VB 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa							
		- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS10259 và CS10502, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 31/5/2022 và 16/6/2022.								Không							
		- Biên bản kiểm kê số 15/BBKK-T5 ngày 15/01/2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm.								3. Cây trồng					44.866.000		
		- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.								- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 35/2026/QĐ-UBND ngày 4/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định một số nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa							
		- Hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp.								Thửa 262: Bưởi - Loại A	cây	9	986.000	100%	8.874.000		
										(trong mật độ, 9 cây chiếm							

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)	
			225 m2)							
			Bưởi - Loại B (trong mật độ, 1 cây chiếm 25 m2)	cây	1	905.000	100%	905.000		
			Bưởi - Loại C (trong mật độ, 2 cây chiếm 50 m2)	cây	2	824.000	100%	1.648.000		
			Cam - Loại A (trong mật độ, 5 cây chiếm 80 m2)	cây	5	750.000	100%	3.750.000		
			Đu đủ - Loại A (trong mật độ, 2 cây chiếm 9,09 m2)	cây	2	122.000	100%	244.000		
			Đu đủ - Loại C (trong mật độ, 7 cây chiếm 31,8 m2)	cây	7	85.000	100%	595.000		
			Mãng cầu - Loại A (trong mật độ, 4 cây chiếm 36,36 m2)	cây	4	593.000	100%	2.372.000		
			Mãng cầu - Loại B (trong mật độ, 1 cây chiếm 9,09 m2)	cây	1	572.000	100%	572.000		
			Mít - Loại A (trong mật độ, 1 cây chiếm 25 m2)	cây	1	1.056.000	100%	1.056.000		
			Bí đỏ trồng xen		50	17.000	100%	850.000		
			Thửa 229: Xoài ghép - Loại A (trong mật độ, 10 cây chiếm 250 m2)	cây	10	2.400.000	100%	24.000.000		
			4. Các chính sách hỗ trợ						355.320.000	
			Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	m ²	1.001,5	270.000	100%	270.405.000		
			Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	m ²	314,5	270.000	100%	84.915.000		

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)																												
			- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.																																		
			- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:																																		
			+ Bồi thường đất CLN VT 1: $54.000 \times 5 = 270.000$ đồng/m ²																																		
			5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất																																		
			Thu hồi 02 GCNQSDĐ																																		
2	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất	1. BT về đất					1.846.447.690	2.678.438.698																												
	Bà: Võ Thị Thọ	Thôn Bãi Giếng, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	Đất trồng cây hàng năm	m ²	2.047,4	901.850	100%	1.846.447.690																													
	CCCD:		<table border="1"> <thead> <tr> <th>Bản đồ trích đo</th> <th>Bản đồ địa chính</th> <th>Loại đất</th> <th>Vị trí</th> <th>Tổng DT (m²)</th> <th>DT thu hồi (m²)</th> <th>DT còn lại (m²)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Số tờ</td> <td>Số thửa</td> <td>Số tờ</td> <td>Số thửa</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>10</td> <td>160</td> <td>10</td> <td>547</td> <td>BHK</td> <td>Vị trí 1</td> <td>2.047,4</td> <td>2.047,4</td> <td>0</td> </tr> <tr> <td colspan="4">Cộng</td> <td></td> <td></td> <td>2.047,4</td> <td>2.047,4</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Bản đồ trích đo	Bản đồ địa chính	Loại đất	Vị trí	Tổng DT (m ²)	DT thu hồi (m ²)	DT còn lại (m ²)	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa				10	160	10	547	BHK	Vị trí 1	2.047,4	2.047,4	0	Cộng						2.047,4	2.047,4	0	khác; 10/160; (Thôn Bãi Giếng - Phía Tây Quốc lộ 1A)	
Bản đồ trích đo	Bản đồ địa chính			Loại đất	Vị trí	Tổng DT (m ²)	DT thu hồi (m ²)	DT còn lại (m ²)																													
Số tờ	Số thửa			Số tờ	Số thửa																																
10	160	10	547	BHK	Vị trí 1	2.047,4	2.047,4	0																													
Cộng						2.047,4	2.047,4	0																													
	056179000893																																				
	Năm sinh: 1979																																				
	Địa chỉ thường trú:																																				
	Thôn Bãi Giếng 1, xã																																				
	Cam Lâm, tỉnh Khánh																																				
	Hòa																																				
	Số nhân khẩu:	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m²):						-																													
		Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:						-																													
		Thửa 160 tờ bản đồ số 10 diện tích sử dụng 2.047,4 m ² trong đó có 54,5 m ² là diện tích do biến động ranh giới thửa đất trong quá trình sử dụng không bồi thường, hỗ trợ.	- Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, QĐ 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và VB 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa																																		
		Các giấy tờ có liên quan:																																			
			2. Nhà, vật kiến trúc					175.600.008																													

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
		- Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 82/GXN-PKT ngày 11/02/2026 của Phòng Kinh tế xã Cam Lâm.	Công trụ xây gạch vuông 50 tô XM, cao 2,2 m, cửa khung sắt + lưới B40 dài 5,2 m (STT 13, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m dài	5,2	3.855.960	85%	17.043.343	Giảm 15% do cửa khung sắt + lưới B40
		- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CN5348, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện Cam Lâm cấp ngày 06/05/2025							
		- Biên bản kiểm kê số 32/BBKK-T... ngày 21/01/2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm.	Tường rào xây gạch tô XM cao 0,6 m, trụ xây gạch tô XM, vuông 30 + lưới B40 cao 1,2 m, tính từ mặt móng (móng 4 lớp đá chèn) dài 74,3 m (STT 66, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m dài	74,3	1.263.233	110%	103.244.033	Tăng 15% do móng 4 lớp đá chèn và tường gạch cao 0,6m Giảm 5% do lưới B40 cao 1,2m
		- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.							
		- Hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp.							
			Mái che lợp bạt cột kèo sắt nền đất (3,5 x 5) (STT 3, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m2	17,5	741.439	90%	11.677.664	Giảm 15% do lợp bạt và nền đất, Tăng 10% do cột kèo sắt
			Buy đúc XM chứa nước, đáy BTXM đk 1,1 m cao 0,7 m (4 cái)(STT 81, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	cầu kiện	4	650.006	85%	2.210.020	Giảm 15% do cao 0,7m
			Công trụ xây gạch taplo không tô vuông 50 cao 1,7 m, cánh khung sắt + lưới	m dài	4,1	3.855.960	85%	13.438.021	Giảm 15% do cánh khung sắt + lưới B40

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
			B40 dài 4,1 m (STT 13, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)						
			Tường rào xây gạch taplo không tô cao 0,6 m (tính từ mặt móng) trụ BTCT + lưới B40 cao 1,2 m móng 4 lớp đá chẻ dài 21,1 m (STT 66, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m dài	21,1	1.263.233	105%	27.986.927	Giảm 10% do không tô trát quét vôi, Tăng 15% do móng 4 lớp đá chẻ và tường cao 0,6m
			Ống nhựa Bình Minh phi 60 dài 200 m	m	200	0	100%	0	Chờ xin giá
			3. Cây trồng					103.593.000	
			<i>- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 35/2026/QĐ-UBND ngày 4/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định một số nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa</i>						
			Xoài ghép - Loại A (trong mật độ, 1 cây chiếm 25 m2)	cây	1	2.400.000	100%	2.400.000	
			Bưởi - Loại B (trong mật độ, 1 cây chiếm 25 m2)	cây	1	905.000	100%	905.000	
			Dừa xiêm - Loại A (trong mật độ, 1 cây chiếm 64 m2)	cây	1	1.844.000	100%	1.844.000	
			Dừa xiêm - Loại C (trong mật độ, 1 cây chiếm 64 m2)	cây	1	1.184.000	100%	1.184.000	

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)	
			Dừa xiêm - Loại 3 năm (trong mật độ, 3 cây chiếm 192 m2)	cây	2	769.000	100%	1.538.000		
			Mai - Loại B	cây	1	0	100%	0	Chờ bổ sung giá	
			Mãng cầu - Loại A (trong mật độ, 91 cây chiếm 827 m2)	cây	91	593.000	100%	53.963.000		
			Mãng cầu - Loại B (trong mật độ, 36 cây chiếm 327 m2)	cây	36	572.000	100%	20.592.000		
			Mãng cầu - Loại C (trong mật độ, 29 cây chiếm 263 m2)	cây	29	531.000	100%	15.399.000		
			Mãng cầu - Loại 4 năm (trong mật độ, 14 cây chiếm 127 m2)	cây	14	412.000	100%	5.768.000		
			4. Các chính sách hỗ trợ						552.798.000	
			Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	m ²	2.047,4	270.000	100%	552.798.000		
			<p>- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.</p> <p>- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:</p> <p>+ Bồi thường đất BHK VT 1: $54.000 \times 5 = 270.000$ đồng/m²</p>							
			5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất							

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi						Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)	
								Thu hồi 01 GCNQSDĐ							
3	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất						1. BT về đất					2.337.324.645	2.918.367.289	
	Ông: Lê Văn Diêu	Thôn Bãi Giếng, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà						Đất trồng lúa còn lại;	m ²	2.591,7	901.850	100%	2.337.324.645		
	CCCD:							11/271; (Thôn Bãi Giếng -							
	056069000218							Phía Tây Quốc lộ 1A)							
	Năm sinh: 1969	Bản đồ trích đo	Bản đồ địa chính		Loại đất	Vị trí	Tổng DT (m²)	DT thu hồi (m²)	DT còn lại (m²)	- <i>Đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.</i>					
	Địa chỉ thường trú:	Số tờ	Số thửa	Số tờ						Số thửa	- <i>Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo số 306/TB-HĐTĐ ngày 07/05/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Cam Lâm về kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án</i>				
	29/6 Tuệ Tĩnh, Phường	11	271	11	112	LUK	Vị trí 1	2.591,7	2.591,7	0	- <i>Khu đô thị mới Cam Lâm.</i>				
	Nha Trang, tỉnh Khánh	Cộng						2.591,7	2.591,7	0	+ <i>Bồi thường đất LUK tờ 11 thửa 271 vị trí 1 (trong phạm vi 350m).</i>				
	Hòa	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m²):						-							
	Bà: Võ Thị Thanh Bình	Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:						-							
	CCCD: 056168003980	Thửa 271 tờ bản đồ số 11 diện tích sử dụng 2591,7m ² trong đó có 7,5m ² là diện tích đường giao thông không bồi thường, hỗ trợ.						- <i>Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, QĐ 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và VB 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa</i>							
	Năm sinh: 1968							Ao đất sâu > 1,2m DT	m ²	204,48	115.166	100%	23.549.144		
	Địa chỉ thường trú:							(14,2 x 14,4) (STT 2a,							
	29/6 Tuệ Tĩnh, Phường							Mục A, PL4 QĐ12/2026)							
	Nha Trang, tỉnh Khánh							3. Cây trồng							207.614.000
	Hòa							- <i>Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 35/2026/QĐ-UBND ngày 4/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định một số nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa</i>							
	Số nhân khẩu:	Các giấy tờ có liên quan:						Diện tích đất trồng cây							
		- Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 1276/GXN-PKT ngày 17/04/2026 của Phòng Kinh tế xã Cam Lâm.						bằng diện tích đất thu hồi							
		- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS06251, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 05/02/2021.						trừ diện tích công trình							
		- Biên bản kiểm kê số 131/BBKK-T8 ngày 02/4/2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm.						trong phần Nhà, công trình							
		- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.													0
		- Hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp.													0
															0
															0

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
			gắn liền với đất = DT đất - DT công trình = 2591,7 - 204,48 = 2387,22 m2						
			Xoài ghép - Loại A (trong mật độ, 6 cây chiếm 150 m2)	cây	6	2.400.000	100%	14.400.000	
			Xoài ghép - Loại B (trong mật độ, 2 cây chiếm 50 m2)	cây	2	1.931.000	100%	3.862.000	
			Xoài ghép - Loại C (trong mật độ, 2 cây chiếm 50 m2)	cây	2	1.533.000	100%	3.066.000	
			Keo (> 11 năm)	cây	1	0	100%	0	Chờ bổ sung giá
			Keo - Loại 8 năm	cây	24	0	100%	0	Chờ bổ sung giá
			Dừa xiêm - Loại A (trong mật độ, 2 cây chiếm 128,2 m2)	cây	2	1.844.000	100%	3.688.000	
			Dừa xiêm - Loại B (trong mật độ, 1 cây chiếm 64,1 m2)	cây	1	1.514.000	100%	1.514.000	
			Dừa xiêm - Loại 4 năm (trong mật độ, 4 cây chiếm 256,4 m2)	cây	4	997.000	100%	3.988.000	
			Dừa xiêm - Loại 1 năm (trong mật độ, 26 cây chiếm 1666,6 m2)	cây	26	320.000	100%	8.320.000	
			Dừa xiêm - Loại 1 năm (vượt mật độ)	cây	488	320.000	80%	124.928.000	

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)	
			Huỳnh đàn (>11 năm)	cây	26	0	100%	0	Chờ bổ sung giá	
			Tre (giống tre nhà) - Loại A	cây	175	96.000	100%	16.800.000		
			Tre (giống tre nhà) - Loại B	cây	162	80.000	100%	12.960.000		
			Tre (giống tre nhà) - Loại C	cây	193	64.000	100%	12.352.000		
			Chuối - Loại A (vượt mật độ)	cây	7	115.000	80%	644.000		
			Chuối - Loại C (vượt mật độ)	cây	15	91.000	80%	1.092.000		
			4. Các chính sách hỗ trợ						349.879.500	
			Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	m ²	2.591,7	270.000	50%	349.879.500		
			<p>- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.</p> <p>- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và khoản 2 Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:</p> <p>+ Bồi thường đất LUK VT 1: $54.000 \times 5 = 270.000$ đồng/m²</p>							
			5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất							
			Thu hồi 01 GCNQSDĐ							
4	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất	1. BT về đất					1.169.609.265	1.571.234.065	
	Bà: Lê Thị Kim Yến	Thôn Bãi Giếng, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà	Đất trồng cây lâu năm;	m ²	1.296,9	901.850	100%	1.169.609.265		
	CCCD:		11/201; (Thôn Bãi Giếng -							

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi							Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)		
		Bản đồ trích đo	Bản đồ địa chính		Loại đất	Vị trí	Tổng DT (m ²)	DT thu hồi (m ²)	DT còn lại (m ²)								
	056175000694								Phía Tây Quốc lộ 1A)								
	Năm sinh: 1975								- Đu điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.								
	Địa chỉ thường trú:	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa				- Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo số 306/TB-HĐTD ngày 07/05/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Cam Lâm về kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án								
	Thôn Bãi Giếng 2, xã	11	201	11	623	CLN	Vị trí 1	1.296,9	1.296,9	0	Khu đô thị mới Cam Lâm.						
	Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	Cộng						1.296,9	1.296,9	0	+ Bồi thường đất trồng cây lâu năm tờ 11 thửa 201 vị trí 1 (trong phạm vi 350m)						
	Ông: Nguyễn Quốc Mạnh	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m²):							-	2. Nhà, vật kiến trúc						0	
	CCCD: 056207004133	Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:							-	- Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, QĐ 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và VB 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa							
	Năm sinh: 2007	Thửa 201 tờ bản đồ số 11 diện tích sử dụng 1.296,9 m ² trong đó có 9,4 m ² là diện tích do đo bao đường và biến động ranh trong quá trình sử dụng không bồi thường, hỗ trợ.								Đường ống nhựa BM phi 60	m	190	0	100%	0	Chờ xin ý kiến	
	Địa chỉ thường trú:	Số nhân khẩu:							Các giấy tờ có liên quan:								
	Thôn Bãi Giếng 2, xã	- Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 1279/GXN-PKT ngày 17/04/2026 của Phòng Kinh tế xã Cam Lâm.							3. Cây trồng						51.461.800		
	Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CN15133, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện Cam Lâm cấp ngày 31/08/2023.							- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 35/2026/QĐ-UBND ngày 4/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định một số nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa								
	Hòa	- Biên bản kiểm kê số 134/BBKK-T8 ngày 02/04/2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm.							Xoài ghép - Loại A (trong mật độ, 5 cây chiếm 125 m ²)	cây	5	2.400.000	100%	12.000.000			
		- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.							Xoài hạt - Loại A (trong mật độ, 3 cây chiếm 600 m ²)	cây	3	7.399.000	100%	22.197.000			
		- Hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp.							Xoài hạt - Loại B (trong mật độ, 2 cây chiếm 400 m ²)	cây	2	6.166.000	100%	12.332.000			

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
			Xoài hạt - Loại B (vượt mật độ)	cây	1	6.166.000	80%	4.932.800	
			Keo - Loại 5 năm	cây	3	0	100%	0	Chờ bổ sung giá
			4. Các chính sách hỗ trợ					350.163.000	
			Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	m ²	1.296,9	270.000	100%	350.163.000	
			<p>- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.</p> <p>- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:</p> <p>+ Bồi thường đất CLN VT 1: $54.000 \times 5 = 270.000$ đồng/m²</p>						
			5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất						
			Thu hồi 01 GCNQSDĐ						
5	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất	1. BT về đất					1.172.405.000	1.656.355.570
	Bà: Nguyễn Thị Lý	Thôn Bãi Giếng, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà	Đất trồng cây lâu năm;	m ²	1.300	901.850	100%	1.172.405.000	
	CCCD:		10/339; (Thôn Bãi Giếng -						
	056177000987		Phía Tây Quốc lộ 1A)						
	Năm sinh: 1977		- Dù điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.						
	Địa chỉ thường trú:		- Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo số 306/TB-HĐTĐ ngày 07/05/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Cam Lâm về kết quả thẩm định phương án						
	Thôn Nghĩa Nam, xã		giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án						
	Cam Lâm, tỉnh Khánh		Khu đô thị mới Cam Lâm.						
	Hòa		+ Bồi thường đất CLN từ 10 thửa 339 vị trí 1 (trong phạm vi 350m).						
	Số nhân khẩu:	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m²):							
		Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:							
			- Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo QĐ						
			2. Nhà, vật kiến trúc					67.663.970	

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi							Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)	
									m2)							
									Xoài ghép - Loại B (trong mật độ, 1 cây chiếm 25 m2)	cây	1	1.931.000	100%	1.931.000		
									Dừa xiêm - Loại 2 năm (trong mật độ, 1 cây chiếm 64,1 m2)	cây	1	561.000	100%	561.000		
									Dừa xiêm - Loại 2 năm (vượt mật độ)	cây	2	561.000	80%	897.600		
									4. Các chính sách hỗ trợ					351.000.000		
									Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	m ²	1.300	270.000	100%	351.000.000		
									- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau. - Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa: + Bồi thường đất CLN VT 1: $54.000 \times 5 = 270.000$ đồng/m ²							
									5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất							
									Thu hồi 01 GCNQSDĐ							
6	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất							1. BT về đất					986.984.640	1.429.165.643	
	Bà: Lê Thị Kim	Thôn Bãi Giếng, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà							Đất trồng cây lâu năm;	m ²	1.094,4	901.850	100%	986.984.640		
	Phương CCCD:															
	056164000477															
	Năm sinh: 1964															
		Bản đồ trích đo	Bản đồ địa chính	Loại đất	Vị trí	Tổng DT (m²)	DT thu hồi (m²)	DT còn lại (m²)	- Dù điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.							

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi						Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
								m2)						
								Xoài hạt - Loại B (vượt mật độ)	cây	1	6.166.000	80%	4.932.800	
								Xoài ghép - Loại A (trong mật độ, 1 cây chiếm 25 m2)	cây	1	2.400.000	100%	2.400.000	
								Dừa xiêm - Loại 1 năm (vượt mật độ)	cây	222	320.000	80%	56.832.000	
		4. Các chính sách hỗ trợ										295.488.000		
								Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	m ²	1.094,4	270.000	100%	295.488.000	
		<p>- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.</p> <p>- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:</p> <p>+ Bồi thường đất CLN VT 1: $54.000 \times 5 = 270.000$ đồng/m²</p>												
		5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất												
		Thu hồi 01 GCNQSDĐ												
7	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất						1. BT về đất					1.970.181.510	2.750.056.723
	Ông: Nguyễn Văn Khôi (UQ Nguyễn Thị Dung) CCCD: 056097002448	Thôn Bãi Giếng, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà						Đất trồng cây hàng năm khác; 10/326; (Thôn Bãi Giếng - Phía Tây Quốc lộ 1A)	m ²	2.184,6	901.850	100%	1.970.181.510	
	Năm sinh: 1997	Bản đồ trích đo	Bản đồ địa chính	Loại đất	Vị trí	Tổng DT (m ²)	DT thu hồi (m ²)	DT còn lại (m ²)	<p>- Dù điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.</p> <p>- Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo số 306/TB-HĐTĐ ngày 07/05/2026 của</p>					
	Địa chỉ thường trú:	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa									

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi									Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)	
		10	326	10	146	BHK	Vị trí 1	2.184,6	2.184,6	0								
	Thôn Bãi Giếng 3, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	Cộng																
	Hòa	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m²):																
	Số nhân khẩu:																	
		Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:																
		Các giấy tờ có liên quan:									2. Nhà, vật kiến trúc						101.591.213	
		- Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 1282/GXN-PKT ngày 17/4/2026 của Phòng Kinh tế xã Cam Lâm.									- Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, QĐ 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và VB 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa							
		- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS11756, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 26/10/2022.									Hồ nước xây gạch chuyên dùng có chống thấm (10,3 x 14,6 x 2) (STT 37, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m ³	9,96	3.084.438	100%	30.721.002		
		- Hợp đồng ủy quyền của ông Nguyễn Văn Khôi ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Dung theo số công chứng 762 quyền số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD tại VP công chứng Lê Quang Bắc ngày 15/04/2025.									Ao đất sâu < 1,2m, DT (5,7 x 3,5) (STT 1a, Mục A, PL4 QĐ12/2026)	m ²	19,95	58.629	100%	1.169.649		
		- Biên bản kiểm kê số 138/BBKK-T8 ngày 03/4/2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm.									Cọc rào BTCT đá 1x2 (0,1 x 0,1 x 2) x2 trụ (STT 60, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m ³	0,04	11.101.357	100%	444.054		
		- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp. - Hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp.									Hàng rào móng bê tông, cọc BTCT, rào kẽm gai 2 sợi, cao 1,5m dài 188m (STT 12.1, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m dài	188	357.656	103%	69.256.508	Tăng 3% do cọc BTCT.	
											3. Cây trồng						88.442.000	
											- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 35/2026/QĐ-UBND ngày							

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
			4/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định một số nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa						
			Diện tích đất trồng cây bằng diện tích đất thu hồi trừ diện tích công trình trong phần Nhà, công trình gắn liền với đất = DT đất - DT công trình = 2184,6 - 19,95 = 2164,65 m ²		0	0	100%	0	
			Xoài hạt - Loại B (trong mật độ, 4 cây chiếm 800 m ²)	cây	4	6.166.000	100%	24.664.000	
			Xoài hạt - Loại C (trong mật độ, 1 cây chiếm 200 m ²)	cây	1	4.933.000	100%	4.933.000	
			Xoài ghép - Loại A (trong mật độ, 10 cây chiếm 250 m ²)	cây	10	2.400.000	100%	24.000.000	
			Xoài ghép - Loại B (trong mật độ, 1 cây chiếm 25 m ²)	cây	1	1.931.000	100%	1.931.000	
			Xoài ghép - Loại C (trong mật độ, 1 cây chiếm 25 m ²)	cây	1	1.533.000	100%	1.533.000	
			Sầu riêng - Loại 2 năm (trong mật độ, 17 cây chiếm 850 m ²)	cây	17	637.000	100%	10.829.000	

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi								Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)	
										Sầu riêng - Loại 2 năm	cây	28	637.000	80%	14.268.800		
										(Vượt mật độ)							
										Dừa xiêm - Loại 2 năm	cây	14	561.000	80%	6.283.200		
										(Vượt mật độ)							
		4. Các chính sách hỗ trợ													589.842.000		
										Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	m ²	2.184,6	270.000	100%	589.842.000		
										- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.							
										- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:							
										+ Bồi thường đất BHK VT 1: 54.000 x 5 = 270.000 đồng/m ²							
		5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất															
		Thu hồi 01 GCNQSDĐ															
8	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất								1. BT về đất					820.052.205	1.101.543.808	
	Ông: Phan Nguyễn	Thôn Bãi Giếng, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà								Đất trồng cây hàng năm	m ²	909,3	901.850	100%	820.052.205		
	Hiếu CCCD:									khác; 10/94; (Thôn Bãi Giếng - Phía Tây Quốc lộ 1A)							
	056090008239	Bản đồ trích đo	Bản đồ địa chính	Loại đất	Vị trí	Tổng DT (m²)	DT thu hồi (m²)	DT còn lại (m²)									
	Năm sinh: 1990	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa												
	Địa chỉ thường trú:	10	94	10	431	BHK	Vị trí 1	909,3	909,3	0							
	Thôn Bãi Giếng 2, xã	Cộng								909,3	909,3	0					
	Cam Lâm, tỉnh Khánh									- Dù điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.							
	Hòa									- Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo số 306/TB-HĐTĐ ngày 07/05/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Cam Lâm về kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án							
	Số nhân khẩu:	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m²):								Khu đô thị mới Cam Lâm.							
										+ Bồi thường đất trồng cây hàng năm khác tờ 10 thửa 94 vị trí 1 (trong phạm vi							

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
		Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:	-						
			350m)						
			2. Nhà, vật kiến trúc					11.918.603	
		Thửa 94 tờ bản đồ số 10 diện tích sử dụng 909,3 m2 trong đó có 0,7 m2 là diện tích dp đo bao đường không bồi thường, hỗ trợ.	- Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, QĐ 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và VB 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa						
		Các giấy tờ có liên quan:							
		- Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 1283/GXN-PKT ngày 17/04/2026 của Phòng Kinh tế xã Cam Lâm.	Tường rào xây gạch cao 0,5	m dài	11,1	1.263.233	85%	11.918.603	Giảm 15% do lưới kẽm gai 2 sợi
		- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CN15976, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện Cam Lâm cấp ngày 08/01/2026.	tính từ mặt móng, trụ BTCT cao 1,5 m lưới kẽm gai 2 sợi tô trát quét vôi dài 11,1						
		- Biên bản kiểm kê số 139/BBKK-T8 ngày 03/04/2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm.	m (STT 66, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)						
		- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.	Đường ống nhựa BM phi 60	m	250	0	100%	0	Chờ xin ý kiến
		- Hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp.	dài 250 m						
			3. Cây trồng					24.062.000	
			- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 35/2026/QĐ-UBND ngày 4/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định một số nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa						
			Xoài ghép - Loại A (trong mật độ, 4 cây chiếm 100 m2)	cây	4	2.400.000	100%	9.600.000	
			Xoài ghép - Loại B (trong mật độ, 1 cây chiếm 25 m2)	cây	1	1.931.000	100%	1.931.000	
			Dừa xiêm - Loại 4 năm (trong mật độ, 6 cây chiếm	cây	6	997.000	100%	5.982.000	

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
			384 m2)						
			Mai - Loại A	cây	1	0	100%	0	Chờ bổ sung giá
			Mai - Loại B	cây	14	0	100%	0	Chờ bổ sung giá
			Mai - Loại C	cây	14	0	100%	0	Chờ bổ sung giá
			Mít - Loại C (trong mật độ, 5 cây chiếm 125 m2)	cây	5	853.000	100%	4.265.000	
			Mít - Loại 4 năm (trong mật độ, 2 cây chiếm 50 m2)	cây	2	677.000	100%	1.354.000	
			Đu đủ - Loại 1 năm (trong mật độ, 15 cây chiếm 68 m2)	cây	15	62.000	100%	930.000	
			4. Các chính sách hỗ trợ					245.511.000	
			Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	m ²	909,3	270.000	100%	245.511.000	
			<p>- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.</p> <p>- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:</p> <p>+ Bồi thường đất BHK VT 1: $54.000 \times 5 = 270.000$ đồng/m</p>						
			5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất						
			Thu hồi 01 GCNQSDĐ						
9	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất	1. BT về đất					2.346.343.145	2.877.441.875
	Ông: Lê Văn Ân	Thôn Bãi Giếng, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà	Đất trồng cây lâu năm;	m ²	2.601,7	901.850	100%	2.346.343.145	
	CCCD:		11/260; (Thôn Bãi Giếng -						

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi							Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
		Bản đồ trích đo	Bản đồ địa chính		Loại đất	Vị trí	Tổng DT (m ²)	DT thu hồi (m ²)	DT còn lại (m ²)						
	056072000260													Phía Tây Quốc lộ 1A)	
	Năm sinh: 1972								- Đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.						
	Địa chỉ thường trú:	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa				- Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo số 306/TB-HĐTĐ ngày 07/05/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Cam Lâm về kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án						
	3/2A Trần Quang Khải,								Khu đô thị mới Cam Lâm.						
	P. Nha Trang, tỉnh	11	260	11	338	CLN	Vị trí 1	2.601,7	2.601,7	0					
	Khánh Hòa	Cộng						2.601,7	2.601,7	0					
	Bà: Bùi Nhị Hòa CCCD:	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m²):													
	056177000223								2. Nhà, vật kiến trúc				87.421.230		
	Năm sinh: 1977	Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:							- Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, QĐ 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026						
	Địa chỉ thường trú:	Các giấy tờ có liên quan:							của UBND tỉnh Khánh Hòa và VB 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa						
	3/2A Trần Quang Khải,	- Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 1264/GXN-PKT ngày 17/4/2026 của Phòng Kinh tế xã Cam Lâm.							Mái che tole fibro xi măng,	m2	8,7	741.439	100%	6.450.519	
	P. Nha Trang, tỉnh	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS_00038, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 10/8/2015.							cột kèo gỗ, nền bê tông	XD					
	Khánh Hòa	- Biên bản kiểm kê số 81/BBKK-T5 ngày 04/01/2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm.							(2,9 x 3) (STT 3, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)						
	Số nhân khẩu:	- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.							Hàng rào trụ BTCT cao 1,5	m dài	219	375.723	98%	80.637.670	Tăng 3% do trụ
		- Hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp.							+ kẽm gai 4 sợi, không móng dài 219m (STT 12.1, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)					BTCT. Giảm 5% do không móng.	
									Ống nhựa Bình Minh phi60	m dài	1	0	100%	0	Chờ xin ý kiến
									dài 160m						
									Trụ BTCT (0,1 x 0,1 x 1,5): 2 trụ (STT 60, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m ³	0,03	11.101.357	100%	333.041	
									3. Cây trồng						92.448.000

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
			- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 35/2026/QĐ-UBND ngày 4/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định một số nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa						
			Diện tích đất trồng cây bằng diện tích đất thu hồi trừ diện tích công trình trong phần Nhà, công trình gắn liền với đất = DT đất - DT công trình = 2601,7 - 8,7 = 2593 m ²		0	0	100%	0	
			Xoài hạt - Loại A (trong mật độ, 8 cây chiếm 1600 m ²)	cây	8	7.399.000	100%	59.192.000	
			Xoài hạt - Loại B (trong mật độ, 2 cây chiếm 400 m ²)	cây	2	6.166.000	100%	12.332.000	
			Xoài ghép - Loại A (trong mật độ, 3 cây chiếm 75 m ²)	cây	3	2.400.000	100%	7.200.000	
			Xoài ghép - Loại C (trong mật độ, 1 cây chiếm 25 m ²)	cây	1	1.533.000	100%	1.533.000	
			Mít - Loại 4 năm (trong mật độ, 1 cây chiếm 25 m ²)	cây	1	677.000	100%	677.000	
			Dừa xiêm - Loại A (trong mật độ, 6 cây chiếm 384,6	cây	6	1.844.000	100%	11.064.000	

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi								Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)	
										m2)							
										Riêng		25	18.000	100%	450.000		
										Keo - Loại 3 năm	cây	6	0	100%	0	Chờ bổ sung giá	
										Xanh - Loại A	cây	2	0	100%	0	Chờ bổ sung giá	
										4. Các chính sách hỗ trợ					351.229.500		
										Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	m ²	2.601,7	270.000	50%	351.229.500		
										- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.							
										- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và khoản 2 Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:							
										+ Bồi thường đất CLN VT 1: 54.000 x 5 = 270.000 đồng/m ²							
										5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất							
										Thu hồi 01 GCNQSDĐ							
10	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất								1. BT về đất					901.850.000	1.234.612.012	
	Ông: Phan Văn Tý	Thôn Bãi Giếng, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà								Đất trồng cây hàng năm	m ²	1.000	901.850	100%	901.850.000		
	CCCD:									khác; 10/120; (Thôn Bãi Giếng - Phía Tây Quốc lộ 1A)							
	056079000608	Bản đồ trích đo	Bản đồ địa chính	Loại đất	Vị trí	Tổng DT (m²)	DT thu hồi (m²)	DT còn lại (m²)									
	Năm sinh: 1979	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa												
	Địa chỉ thường trú:	10	120	10	433	BHK	Vị trí 1	1.000	1.000	0							
	Thôn Bãi Giếng 2, xã	Cộng								1.000	1.000	0					
	Cam Lâm, tỉnh Khánh									- Dù điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.							
	Hòa									- Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo số 306/TB-HĐTĐ ngày 07/05/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Cam Lâm về kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án							
	Số nhân khẩu:	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m²):								Khu đô thị mới Cam Lâm.							
										+ Bồi thường đất BHK tờ 10 thửa 120 vị trí 1 (trong phạm vi 350m).							

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
		Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:	-	2. Nhà, vật kiến trúc				1.300.012	
		Các giấy tờ có liên quan:	- Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, QĐ 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và VB 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa						
		- Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 1263/GXN-PKT ngày 17/4/2026 của Phòng Kinh tế xã Cam Lâm.	Buy đúc xi măng chứa nước, đáy bê tông xi măng, đường kính 1,1m cao 0,8m (2 cái) (STT 81, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)						
		- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS10651, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 29/6/2022.	Đường ống nhựa Bình Minh phi60 dài 240m						
		- Biên bản kiểm kê số 73/BBKK-T5 ngày 30/01/2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm.	m dài						
		- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.	0						
		- Hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp.	Chờ xin ý kiến						
			3. Cây trồng				61.462.000		
			- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 35/2026/QĐ-UBND ngày 4/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định một số nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa						
			Xoài ghép - Loại A (trong mật độ, 24 cây chiếm 600 m2)	cây	24	2.400.000	100%	57.600.000	
			Xoài ghép - Loại B (trong mật độ, 2 cây chiếm 50 m2)	cây	2	1.931.000	100%	3.862.000	
			4. Các chính sách hỗ trợ				270.000.000		
			Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	m ²	1.000	270.000	100%	270.000.000	
			- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.						
			- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13						

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi						Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)			
								Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa: + Bồi thường đất BHK VT 1: 54.000 x 5 = 270.000 đồng/m ²									
								5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất									
								Thu hồi 01 GCNQSDĐ									
11	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất						1. BT về đất				477.980.500	1.311.120.097				
	Ông: Nguyễn Văn	Thôn Bãi Giếng, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa						Đất trồng cây lâu năm;	m ²	530	901.850	100%	477.980.500				
	Tỉnh CCCD:																
	056077000597	Bản đồ trích đo	Bản đồ địa chính	Loại đất	Vị trí	Tổng DT (m²)	DT thu hồi (m²)	DT còn lại (m²)	- Đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024. - Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo số 306/TB-HĐTĐ ngày 07/05/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Cam Lâm về kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm. + Bồi thường đất CLN từ 10 thửa 147 vị trí 1 (trong phạm vi 350m)								
	Năm sinh: 1977	Số tờ	Số thửa											Số tờ	Số thửa		
	Địa chỉ thường trú:	10	147	10	387	CLN	Vị trí 1	530	530	0							
	Thôn Bãi Giếng, xã Cam																
	Lâm, tỉnh Khánh Hòa																
	Số nhân khẩu:	Cộng					530	530	0								
		Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m²):						2. Nhà, vật kiến trúc						680.989.597			
								- Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, QĐ 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và VB 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa									
		Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:															
		Các giấy tờ có liên quan:															
		- Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 1270/GXN-PKT ngày 17/04/2026 của Phòng Kinh tế xã Cam Lâm.						Nhà mái tôn không trần	m ²	73,5	4.076.248	115%	344.544.862	Tăng 15% do có hệ vệ sinh hoàn chỉnh và sơn nước			
		- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS05548, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 03/11/2020.						móng xây đá chẻ 2 lớp cao 0,4 m, tường xây gạch 100, sơn nước, cao >2,7 m, bổ trụ nền gạch men,	XD								
		- Biên bản kiểm kê số 124/BBKK-T8 ngày 27/03/2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm.															

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
		- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp. - Hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp.	cửa gỗ tốt mặt tiền có một phần trang trí ốp lát hoa văng, hệ vệ sinh hoàn chỉnh (4,1 x 7,8) + (6,3 x 5,7) + (3,3 x 1,7) (STT 3, Mục A, PL kèm theo QĐ08/2026)						
			Mái che lợp tôn, cột kèo sắt, nền XM (3,3 x 5,4) + (3,9 x 4,4) + (9,2 x 3,5) (STT 4, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m2 XD	67,18	1.259.097	100%	84.586.136	
			Mái che cột gạch, lợp tôn, nền XM (3,6 x 8) (STT 5, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m2 XD	28,8	1.464.101	100%	42.166.109	
			Công trụ xây gạch, cánh khung thép tấm, thép hình dài 3,6 m (STT 13, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m dài	3,6	3.855.960	100%	13.881.456	
			Sân nền BT láng vữa XM (3,6 x 3,7) (STT 17, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m ²	13,32	230.583	100%	3.071.366	
			Tường rào xây gạch cao 0,8 m kết hợp với hoa song sắt cao 0,7 m, móng xây 2 lớp	m dài	9,1	2.180.272	100%	19.840.475	

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
			đá chẻ dài 9,1 m (STT 10, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)						
			Tường rào xây gạch cao 0,5 m lưới B40 cao 1,5 m, trụ BTCT tô trát quét vôi dài 104 m (STT 66, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m dài	104	1.263.233	100%	131.376.232	
			Chuồng trại mái lợp tôn cao 3 m tân dụng trụ gỗ tận dụng, xà gỗ tận dụng, móng xây đá chẻ, nền láng vữa XM, tường + vách ngăn cột (8,8 x 3,4) + (6 x 1) (STT 87.11, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m2 XD	35,92	877.156	100%	31.507.444	
			Nhà tắm tiểu loại thường, cửa nhựa, không mái (1 x 1,2) (STT 8, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m2 XD	1,2	2.933.885	100%	3.520.662	
			Mái che cột kèo tre gỗ tận dụng, mái lợp tôn, không vách, nền đất (1,7 x 1,7) (STT 2, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m2 XD	2,89	409.513	100%	1.183.493	
			Đồng hồ điện 1 pha (1 cái) (STT 8, Mục B, PL3 QĐ12/2026)	cái	1	2.315.720	100%	2.315.720	

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)	
			Buy BTXM chứa nước đặt nổi nền BT + láng vữa đk 1 m, cao 1 m (1 cái) (STT 81, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	cầu kiện	1	650.006	100%	650.006		
			Đồng hồ nước (1 cái) (STT 1, Mục B, PL3 QĐ12/2026)	cụm	1	2.345.636	100%	2.345.636		
			Đường ống nhựa BM phi 34 dài 100 m	m	100	0	100%	0	Chờ xin ý kiến	
			3. Cây trồng					9.050.000		
			<i>- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 35/2026/QĐ-UBND ngày 4/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định một số nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa</i>							
			Diện tích đất trồng cây bằng diện tích đất thu hồi trừ diện tích công trình trong phần Nhà, công trình gắn liền với đất = DT đất - DT công trình = 530 - 222,81 = 307,19 m ²		0	0	100%	0		
			Mai - Loại B	cây	3	0	100%	0	Chờ bổ sung giá	
			Mai - Loại C	cây	2	0	100%	0	Chờ bổ sung giá	
			Xoài ghép - Loại A (trong mật độ, 3 cây chiếm 75 m ²)	cây	3	2.400.000	100%	7.200.000		
			Vạn tuế - Loại A	cây	2	0	100%	0	Chờ bổ sung giá	
			Bông giấy - Loại A	cây	4	0	100%	0	Chờ bổ sung giá	

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)	
			Sơ ri - Loại A	cây	2	353.000	100%	706.000		
			Ngâu - Loại A	cây	1	0	100%	0	Chờ bổ sung giá	
			Đu đủ - Loại B (trong mật độ, 5 cây chiếm 22,73 m2)	cây	5	106.000	100%	530.000		
			Sung - Loại A	cây	1	0	100%	0	Chờ bổ sung giá	
			Bưởi - Loại 2 năm (trong mật độ, 2 cây chiếm 50 m2)	cây	2	307.000	100%	614.000		
			Bằng lăng tím - Loại A	cây	1	0	100%	0	Chờ bổ sung giá	
			Bông lá	m2	5	0	100%	0	Chờ bổ sung giá	
			Sanh - Loại A	cây	1	0	100%	0	Chờ bổ sung giá	
			4. Các chính sách hỗ trợ						143.100.000	
			Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	m ²	530	270.000	100%	143.100.000		
			<p>- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.</p> <p>- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:</p> <p>+ Bồi thường đất CLN VT 1: $54.000 \times 5 = 270.000$ đồng/m²</p>							
			5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất							
			Thu hồi 01 GCNQSDĐ							
12	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất	1. BT về đất					1.013.408.845	2.292.770.066	
	Hộ ông: Phạm Văn	Thôn Bãi Giếng, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà	Đất trồng cây hàng năm khác; 10/345; (Thôn Bãi	m ²	1.123,7	901.850	100%	1.013.408.845		
	Nhớ CCCD:									

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi							Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
		Bản đồ trích đo	Bản đồ địa chính		Loại đất	Vị trí	Tổng DT (m ²)	DT thu hồi (m ²)							
	056064000406	Số tờ	Số thửa	Số tờ					Số thửa	BHK	Vị trí 1	1.123,7	1.123,7	0	Giếng - Phía Tây Quốc lộ 1A)
	Năm sinh: 1964														
	Địa chỉ thường trú:	Cộng							<p>- Đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.</p> <p>- Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo số 306/TB-HĐTD ngày 07/05/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Cam Lâm về kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.</p> <p>+ Bồi thường đất BHK tờ 10 thửa 345 vị trí 1 (trong phạm vi 350m)</p>						
	Thôn Bãi Giếng, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa														
	Bà: Nguyễn Thị Trí	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m ²):							<p>2. Nhà, vật kiến trúc</p> <p>- Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, QĐ 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và VB 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa</p>						
	CCCD: 054164000795														
	Năm sinh: 1964	Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:							<p>943.425.221</p>						
	Địa chỉ thường trú:														
	Thôn Bãi Giếng, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	Các giấy tờ có liên quan:							<p>- Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 1273/GXN-PKT ngày 17/4/2026 của Phòng Kinh tế xã Cam Lâm.</p> <p>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CN10710, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện Cam Lâm cấp ngày 20/7/2023.</p> <p>- Biên bản kiểm kê số 128A,B,C/BBKK-T8 ngày 01/4/2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm.</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.</p> <p>- Hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp.</p>						
	Số nhân khẩu:														
		Tài sản của ông Phạm Văn Trường trên đất của hộ ông Phạm Văn Nhớ - bà Nguyễn Thị Trí:							<p>Nhà mái tole, móng xây đá chẻ 5 lớp, tường xây gạch dày 100-200 cao > 2,7m, bổ trụ, tường sơn nước, mặt tiền trang trí ốp men, nền lát gạch men, cửa nhôm kính, trần laphong thạch cao, hệ vệ sinh hoàn chỉnh (7 x 5) + (8 x 6) (STT 5, Mục A, PL kèm theo QĐ08/2026)</p>						
									<p>0</p> <p>0</p> <p>100%</p> <p>0</p>						
									<p>m2</p> <p>83</p> <p>4.311.253</p> <p>105%</p> <p>375.725.699</p>						
									<p>Giảm 10% do không có sảnh BTCT, Tăng 15% do móng đá chẻ 5 lớp và sơn nước</p>						

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
			Mái che lợp tole, cột kèo sắt, nền gạch men (8 x 6,8) + (7 x 3,1) (STT 4, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m2 XD	76,1	1.259.097	105%	100.608.146	Tăng 5% do nền gạch men
			Mái che cột gạch, kèo sắt, nền xi măng (3,3 x 4)	m2 XD	13,2	0	100%	0	Chờ xem xét
			Sân BT láng vữa XM (5 x 4,2) (STT 17, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m ²	21	230.583	100%	4.842.243	
			Đồng hồ nước D27 (1 cái) (STT 2, Mục B, PL3 QĐ12/2026)	cụm	1	3.065.836	100%	3.065.836	
			Đường ống nhựa BM phi27 dài 300m	m dài	300	0	100%	0	Chờ xin ý kiến
			Tài sản của ông Phạm Thanh Vũ trên đất của hộ ông Phạm Văn Nhớ - bà Nguyễn Thị Trí:		0	0	100%	0	
			Nhà mái tole, móng xây đá chẻ 3 lớp, tường xây gạch 100-200 cao > 2,7m bổ trụ sơn nước, mặt tiền có sảnh sử dụng kết cấu BTCT có trang trí ốp lát, ốp men mặt tiền, nền lát gạch men, cửa nhôm xingfa trần nhựa, hệ	m2 XD	71,02	4.311.253	115%	352.112.966	Tăng 15% do cửa nhôm xingfa và sơn nước

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
			vệ sinh hoàn chỉnh (10,8 x 4,3) + (2 x 4,1) + (2,6 x 6,3) (STT 5, Mục A, PL kèm theo QĐ08/2026)						
			Mái che lợp tole, cột kèo sắt, nền gạch men (2 x 6,6) (STT 4, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m2 XD	13,2	1.259.097	105%	17.451.084	Tăng 5% do nền gạch men
			Mái che lợp tole, cột kèo sắt, nền xi măng (5,7 x 6,9) (STT 4, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m2 XD	39,33	1.259.097	100%	49.520.285	
			Đồng hồ điện 1 pha (1 cái) (STT 8, Mục B, PL3 QĐ12/2026)	cái	1	2.315.720	100%	2.315.720	
			Đồng hồ nước D21 (1 cái) (STT 1, Mục B, PL3 QĐ12/2026)	cụm	1	2.345.636	100%	2.345.636	
			Chuồng trại mái tole, khung cột gỗ, có vật liệu bao che, nền xi măng (4,7 x 7,7) (STT 3, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m2 XD	36,19	741.439	100%	26.832.677	
			Đường ống nhựa BM phi27 dài 350m	m dài	350	0	100%	0	Chờ xin ý kiến
			Chuồng gà mái tole tận dụng cao 3m, kèo gỗ, trụ gỗ tận dụng, tường+vách	m2 XD	7,17	877.156	100%	6.289.209	

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
			ngăn xây gạch, móng xây đá chẻ, nền xi măng (1,9 x 2,2) + (1,3 x 2,3) (STT 87.11, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)						
			Đường ống nhựa BM phi60 dài 320m	m dài	320	0	100%	0	Chờ xin ý kiến
			Đồng hồ điện 1 pha (1 cái) (STT 8, Mục B, PL3 QĐ12/2026)	cái	1	2.315.720	100%	2.315.720	
			3. Cây trồng					32.537.000	
			<i>- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 35/2026/QĐ-UBND ngày 4/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định một số nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa</i>						
			Diện tích đất trồng cây bằng diện tích đất thu hồi trừ diện tích công trình trong phần Nhà, công trình gắn liền với đất = DT đất - DT công trình = 1123,7 - 360,21 = 763,49 m ²		0	0	100%	0	
			Mai - Loại A	cây	1	0	100%	0	Chờ bổ sung giá
			Điệp - Loại C	cây	1	0	100%	0	Chờ bổ sung giá
			Xoài hạt - Loại C (trong mật độ, 2 cây chiếm 400 m ²)	cây	2	4.933.000	100%	9.866.000	
			Xoài ghép - Loại A (trong	cây	9	2.400.000	100%	21.600.000	

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
			mật độ, 9 cây chiếm 225 m2)						
			Mai - Loại B	cây	3	0	100%	0	Chờ bổ sung giá
			Mai - Loại C	cây	3	0	100%	0	Chờ bổ sung giá
			Chuối - Loại C (trong mật độ, 3 cây chiếm 15 m2)	cây	3	91.000	100%	273.000	
			Mãng cầu - Loại 1 năm (trong mật độ, 6 cây chiếm 54,54 m2)	cây	6	133.000	100%	798.000	
			Thiết mộc lan - Loại A	cây	2	0	100%	0	Chờ bổ sung giá
			Bông lá - Loại A		3	0	100%	0	Chờ bổ sung giá
			4. Các chính sách hỗ trợ					303.399.000	
			Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	m ²	1.123,7	270.000	100%	303.399.000	
			<p>- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.</p> <p>- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:</p> <p>+ Bồi thường đất BHK VT 1: $54.000 \times 5 = 270.000$ đồng/m²</p>						
			5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất						
			Thu hồi 01 GCNQSDĐ						
13	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất	1. BT về đất					1.724.968.495	3.176.751.319
	Hộ ông: Nguyễn Văn Đạt CCCD:	Thôn Bãi Giếng, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà	Đất trồng cây lâu năm; 10/295; (Thôn Bãi Giếng -	m ²	1.912,7	901.850	100%	1.724.968.495	

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
			theo QĐ08/2026)						
			Mái che lợp tole, cột kèo sắt, nền lát gạch terazo (5,1 x 6,5) + (2 x 1,7) (STT 4, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m2 XD	36,55	1.259.097	105%	48.320.995	Tăng 5% do nền lát gạch terazo
			Mái che lợp tole, cột kèo tre gỗ tận dụng, không vách, nền đất (2 x 9,7) (STT 2, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m2 XD	19,4	409.513	100%	7.944.552	
			Nhà vệ sinh độc lập có hầm tự hoại, mái tole, nền gạch men, cửa nhôm kính (4,1 x 2) (STT 7, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m2 XD	8,2	6.960.234	100%	57.073.919	
			Hồ chuyên dùng có chống thấm xây gạch (4,1 x 2 x 1) (STT 40, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m ³	8,2	1.899.584	100%	15.576.589	
			Tường rào trụ BTCT, lưới B40 cao 1,5 m tính từ mặt móng dài 55,5 m + 16,6 m + 22,1 m (STT 11, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m dài	94,2	537.955	100%	50.675.361	
			Giếng nước ống buy XM đk 1,5 m sâu 12 m (STT 21, Mục C, PL kèm theo	m sâu	12	2.180.674	100%	26.168.088	

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
			QĐ08/2026)						
			Móng BT cọc gỗ rào kẽm gai 3 sợi dài 11,6 m + 30 m (STT 12.1, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m dài	41,6	366.132	100%	15.231.091	
			Ống nhựa BM phi 42 dài 70 m	m	70	0	100%	0	Chờ xin ý kiến
			Công trụ gạch, cánh khung thép tấm thép hình dài 2 m (STT 13, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m dài	2	3.855.960	100%	7.711.920	
			Đồng hồ điện 1 pha (2 cái) (STT 8, Mục B, PL3 QĐ12/2026)	cái	1	2.315.720	100%	2.315.720	
			Đồng hồ nước D21 (1 cái) (STT 1, Mục B, PL3 QĐ12/2026)	cụm	1	2.345.636	100%	2.345.636	
			3. Cây trồng					79.665.000	
			<i>- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 35/2026/QĐ-UBND ngày 4/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định một số nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa</i>						
			Xoài hạt - Loại B (trong mật độ, 2 cây chiếm 400 m2)	cây	2	6.166.000	100%	12.332.000	
			Xoài hạt - Loại C (trong mật độ, 1 cây chiếm 200 m2)	cây	1	4.933.000	100%	4.933.000	

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
			Xoài ghép - Loại A (trong mật độ, 19 cây chiếm 475 m2)	cây	19	2.400.000	100%	45.600.000	
			Xoài ghép - Loại B (trong mật độ, 1 cây chiếm 25 m2)	cây	1	1.931.000	100%	1.931.000	
			Cóc - Loại B (trong mật độ, 1 cây chiếm 20 m2)	cây	1	300.000	100%	300.000	
			Mai - Loại B	cây	5	0	100%	0	Chờ bổ sung giá
			Chùm ngây - Loại A	cây	3	169.000	100%	507.000	
			Chùm ngây - Loại C	cây	3	113.000	100%	339.000	
			Mận - Loại A (trong mật độ, 1 cây chiếm 12,5 m2)	cây	1	613.000	100%	613.000	
			Mãng cầu - Loại B (trong mật độ, 1 cây chiếm 9,09 m2)	cây	1	572.000	100%	572.000	
			Mãng cầu - Loại C (trong mật độ, 1 cây chiếm 9,09 m2)	cây	1	531.000	100%	531.000	
			Mít - Loại A (trong mật độ, 3 cây chiếm 75 m2)	cây	3	1.056.000	100%	3.168.000	
			Mít - Loại C (trong mật độ, 1 cây chiếm 25 m2)	cây	1	853.000	100%	853.000	
			Me - Loại C	cây	1	280.000	100%	280.000	
			Đu đủ - Loại A (trong mật độ, 2 cây chiếm 9,09 m2)	cây	2	122.000	100%	244.000	
			Chuối - Loại A (trong mật độ, 28 cây chiếm 280 m2)	cây	28	115.000	100%	3.220.000	

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi						Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)				
								độ, 28 cây chiếm 140 m2)										
								Chuối - Loại 1 năm (trong mật độ, 18 cây chiếm 90 m2)	cây	18	61.000	100%	1.098.000					
								Riềng		100	18.000	100%	1.800.000					
								Quất - Loại B	cây	1	0	100%	0	Chờ bổ sung giá				
								Murop trồng giàn (6,6 x 6)		39,6	15.000	100%	594.000					
								Tre vàng - Loại A	cây	15	50.000	100%	750.000					
								4. Các chính sách hỗ trợ					516.429.000					
								Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	m ²	1.912,7	270.000	100%	516.429.000					
								<p>- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.</p> <p>- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:</p> <p>+ Bồi thường đất CLN VT 1: $54.000 \times 5 = 270.000$ đồng/m²</p>										
								5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất										
								Thu hồi 01 GCNQSDĐ										
14	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất						1. BT về đất					317.992.310	483.777.133				
	Ông: Võ Văn Toàn	Thôn Bãi Giếng, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà						Đất trồng cây hàng năm	m ²	352,6	901.850	100%	317.992.310					
	CCCD:																	
	056095009955							Bản đồ trích đo	Bản đồ địa chính	Loại đất	Vị trí	Tổng DT (m²)	DT thu hồi (m²)	DT còn lại (m²)	Giếng - Phía Tây Quốc lộ 1A)			
	Năm sinh: 1995							Số tờ	Số thửa						Số tờ	Số thửa	- Dù điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.	
	Địa chỉ thường trú:													- Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo số 306/TB-HĐTĐ ngày 07/05/2026 của				
	Thôn Bãi Giếng 1, Xã																	

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi							Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
									nghiep						
									- Hồ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.						
									- Hồ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:						
									+ Bồi thường đất BHK VT 1: $54.000 \times 5 = 270.000$ đồng/m ²						
									5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất						
									Thu hồi 01 GCNQSDĐ						
15	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất							1. BT về đất				834.391.620	1.154.680.597	
	Ông: Phan Văn Đi CCCD:052068010258	Thôn Bãi Giếng, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà							Đất trồng cây hàng năm khác; 10/98; (Thôn Bãi Giếng - Phía Tây Quốc lộ 1A)	m ²	925,2	901.850	100%	834.391.620	
	Năm sinh: 1968	Bản đồ trích đo	Bản đồ địa chính	Loại đất	Vị trí	Tổng DT (m²)	DT thu hồi (m²)	DT còn lại (m²)	- Dù điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024. - Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo 306/TB-HĐTĐ ngày 07/5/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Cam Lâm về kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm; + Bồi thường đất BHK từ 10 thửa 98 vị trí 1 (trong phạm vi 350m).						
	Địa chỉ thường trú: Thôn Bãi Giếng 2, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	Số tờ	Số thửa												Số tờ
		10	98	10	432	BHK	Vị trí 1	925,2	925,2	0					
	Số nhân khẩu:	Cộng					925,2	925,2	0						
		Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m²):							-						
		Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:							-						
		Các giấy tờ có liên quan:							2. Nhà, vật kiến trúc						
		- Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 1284/GXN-PKT ngày 17/04/2026 của Phòng Kinh tế xã Cam Lâm.							- Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, QĐ 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và VB 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa						
													12.884.977		

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
		- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS10650, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 29/06/2022.	Tường rào xây gạch cao 0,5m, tính từ mặt móng, trụ bê tông cốt thép cao 1,5m lưới kẽm gai 2 sợi, tô trát, quét vôi dài 12m (STT 66, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m dài	12	1.263.233	85%	12.884.977	Giảm 15% do lưới kẽm gai 2 sợi
		- Biên bản kiểm kê số 140/BBKK-T8 ngày 03 tháng 04 năm 2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm.							
		- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.							
		- Hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp.							
			Đường ống nhựa BM phi 60 dài 250m	m dài	250	0	100%	0	Chờ xin ý kiến
			3. Cây trồng					57.600.000	
			<i>- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 35/2026/QĐ-UBND ngày 4/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định một số nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa</i>						
			Xoài ghép - Loại A (trong mật độ, 24 cây chiếm 600m2)	cây	24	2.400.000	100%	57.600.000	
			4. Các chính sách hỗ trợ					249.804.000	
			Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	m ²	925,2	270.000	100%	249.804.000	
			<i>- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.</i>						
			<i>- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:</i>						

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
			+ Bồi thường đất BHK VT 1: $54.000 \times 5 = 270.000$ đồng/m ²						
			5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất						
			<i>Thu hồi 01 GCNQSDĐ</i>						

NGƯỜI LẬP

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Đại Hành

Nguyễn Thanh Chương